

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2018*  
*đã được soát xét*





## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002, và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đầu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ kế toán và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT	
Bà Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên	
Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên	
Ông Trần Vũ Tuấn	Ủy viên	
Ông Bùi Hoàng Việt Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2018
Ông Phạm Ngọc Quý	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2018

#### GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Giám đốc điều hành
Bà Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2018.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### Báo cáo của Giám đốc (tiếp theo)

- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018

Giám đốc



Phạm Xuân Hà



Số: 247 /2018/BCSX-AASCN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long, được lập ngày 20 tháng 11 năm 2018, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### *Trách nhiệm của Giám đốc*

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ*

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty TNHH MTV Vang Thăng Long là công ty con của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 100%) chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 3.208.119.608 đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên thì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại Công ty TNHH MTV Vang Thăng Long lỗ thêm 3.208.119.608 đồng. Theo đó, tại Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ sẽ trích lập thêm dự phòng giảm giá đầu tư tài chính là 2.910.888.988 đồng (trích lập tối đa bằng giá trị khoản đầu tư), làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm: "Chi phí tài chính" (mã số 22) tăng lên với số tiền 2.910.888.988 đồng, "Lợi nhuận sau thuế TNDN" (mã số 60) giảm đi với số tiền 2.910.888.988 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán gồm: "Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn" (mã số 254) tăng lên số tiền 2.910.888.988 đồng, "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421) giảm đi số tiền 2.910.888.988 đồng.

#### Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-028) 3910 4881 \* Fax: (84-028) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

4

#### Branch in Hanoi

Glosbe 07 TT2/96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan, Ha Noi  
Tel: (84-24) 3994 7969 \* Fax: (84-24) 3793 1429  
Email: admin@namviethn.vn

00  
NH  
TU  
E  
T  
O  
T  
O  
C  
K  
I  
N  
H  
A  
N  
O  
I

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**



**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2018-152-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>90.803.267.510</b>	<b>97.449.435.912</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>578.742.200</b>	<b>3.944.575.472</b>
1.	Tiền	111		578.742.200	3.944.575.472
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>5.200.000.000</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.200.000.000	5.200.000.000
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.613.828.465</b>	<b>21.381.450.042</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	4.384.093.649	16.350.221.689
2.	Trà trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	2.191.029.794	1.693.728.569
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.038.705.022	3.337.499.784
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>76.957.040.391</b>	<b>66.685.656.141</b>
1.	Hàng tồn kho	141		76.957.040.391	66.685.656.141
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>453.656.454</b>	<b>237.754.257</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	96.463.847	114.222.731
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		354.453.898	123.531.526
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	2.738.709	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>44.397.685.861</b>	<b>47.601.394.787</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.628.409.180</b>	<b>18.200.883.894</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	17.618.607.995	18.186.140.095
	- Nguyên giá	222		56.507.639.343	55.980.639.343
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(38.889.031.348)	(37.794.499.248)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	9.801.185	14.743.799
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(85.198.815)	(80.256.201)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.07</b>	<b>2.162.880.691</b>	<b>3.613.656.066</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.162.880.691	3.613.656.066
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>3.280.888.988</b>	<b>4.570.000.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		3.100.000.000	3.100.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		270.000.000	270.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.289.111.012)	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.325.507.002</b>	<b>21.216.854.827</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	21.325.507.002	21.216.854.827
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>135.200.953.371</b>	<b>145.050.830.699</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>84.373.231.299</b>	<b>99.773.057.174</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>82.729.070.212</b>	<b>97.216.068.134</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.779.874.947	3.514.788.397
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.394.505.662	17.637.192.743
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	384.238.427	5.488.786.485
4.	Phải trả người lao động	314		487.979.988	664.525.303
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	108.153.454	204.041.929
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.319.665.246	636.040.247
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	73.856.581.735	69.069.122.277
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		398.070.753	1.570.753
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.644.161.087</b>	<b>2.556.989.040</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.14	-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.16	-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.17	-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	1.644.161.087	2.556.989.040
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

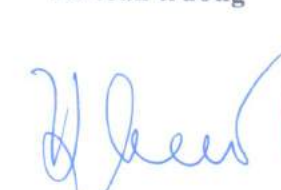
Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>50.827.722.072</b>	<b>45.277.773.525</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>50.827.722.072</b>	<b>45.277.773.525</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.500.000.000	40.500.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.500.000.000	40.500.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.475.755.461	1.475.755.461
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.851.966.611	3.302.018.064
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		62.028.900	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.789.937.711	3.302.018.064
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>135.200.953.371</b>	<b>145.050.830.699</b>

Người lập biểu

  
Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng

  
Trần Thị Hoàng Liên

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018

Giám đốc





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	47.047.716.422	29.275.363.754
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	22.664.494	248.004.635
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.025.051.928	29.027.359.119
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	22.117.533.708	26.401.103.493
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.907.518.220	2.626.255.626
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	412.693.913	752.267.898
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	4.920.445.615	3.596.666.269
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.631.334.603	3.319.030.274
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	1.207.916.681	868.251.684
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	3.514.218.794	2.355.905.734
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.677.631.043	(3.442.300.163)
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	74.524	903.610.707
12.	Chi phí khác	32	VI.07	236.909.497	78.814.878
13.	Lợi nhuận khác	40		(236.834.973)	824.795.829
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.440.796.070	(2.617.504.334)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	4.587.812.478	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		10.852.983.592	(2.617.504.334)

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Giám đốc



Phạm Xuân Hà



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		43.775.097.509	40.028.484.373
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(29.417.621.224)	(43.609.003.648)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.954.329.790)	(2.276.321.858)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(3.587.938.005)	(3.315.048.843)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(5.164.799.311)	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		318.265.931	489.235.002
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.250.960.325)	(11.215.199.720)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(4.282.285.215)</b>	<b>(19.897.854.694)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(527.000.000)	(1.142.759.637)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	433.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.450.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(170.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		412.693.913	744.920.952
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(114.306.087)</b>	<b>(1.584.838.685)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND


STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	13.500.000.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		38.319.266.652	59.675.635.653
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(34.444.635.147)	(48.605.548.183)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.843.873.475)	(2.422.270.800)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.030.758.030</b>	<b>22.147.816.670</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(3.365.833.272)</b>	<b>665.123.291</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>3.944.575.472</b>	<b>983.918.855</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>578.742.200</b>	<b>1.649.042.146</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018


Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Hoàng Liên



Trần Thị Hoàng Liên



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Cửa hàng Kinh doanh tổng hợp	Số 89, Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long – Chi nhánh Ninh Thuận	Số 62a Lê Duẩn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

- Danh sách Công ty con gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%



## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết gồm:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	Số 3/89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	45%	45%	45%

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

### 02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

### 02. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### *Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

#### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

### 03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### 04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### 05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

#### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm



**06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**08. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

**09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **11. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	219.819.109	958.725.006
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	358.923.091	2.985.850.466
<b>Cộng</b>	<b><u>578.742.200</u></b>	<b><u>3.944.575.472</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(*)</sup>	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>5.200.000.000</b>

(\*): Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng, lãi suất 6,5%/năm.

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ				Số đầu năm			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phần	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con		3.100.000.000	(89.111.012)			3.100.000.000	-	
+ Công ty TNHH MTV Rượu vang Thăng Long		3.000.000.000	(89.111.012)	(*)		3.000.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long		100.000.000	-	(*)		100.000.000	-	(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		270.000.000	-			270.000.000	-	
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vàng Thăng Long	27.000	270.000.000	-	(*)	27.000	270.000.000	-	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác		1.200.000.000	(1.200.000.000)			1.200.000.000	-	
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro	100.000	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-	100.000	1.000.000.000	-	880.000.000
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	20.000	200.000.000	(200.000.000)	(*)	20.000	200.000.000	-	(*)
<b>Cộng</b>		<b>4.570.000.000</b>	<b>(1.289.111.012)</b>			<b>4.570.000.000</b>	<b>-</b>	

(\*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính để thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này. Đồng thời, chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

**Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ:**

	<u>Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018</u>	<u>Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017<sup>a</sup></u>
<b><i>Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long</i></b>		
- Bán hàng hóa, thành phẩm	590.253.242	376.939.277
- Hàng bán bị trả lại	19.480.530	239.181.909
- Cổ tức được chia	107.637.388	483.793.878
<b><i>Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long</i></b>		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	501.657.041	1.183.471.513
- Chuyển tiền góp vốn	-	170.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>4.384.093.649</b>	<b>16.350.221.689</b>
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	2.545.256.116	3.698.218.879
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	-	9.512.070.355
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Á	1.500.000.000	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	338.837.533	3.139.932.455
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>4.384.093.649</b>	<b>16.350.221.689</b>

**c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	2.545.256.116	13.210.289.234
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	2.545.256.116	3.698.218.879
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	-	9.512.070.355
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.545.256.116</b>	<b>13.210.289.234</b>

**04. Trả trước cho người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>2.191.029.794</b>	<b>1.693.728.569</b>
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế và Xây dựng	198.000.000	198.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ địa chính Tây Hồ	395.500.000	395.500.000
- Công ty Cổ phần công nghệ MNB Việt Nam	596.750.000	596.750.000
- Bà Võ Thị Bích Liễu	-	350.000.000
- Công ty TNHH Cơ khí Hưng Toàn	323.400.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	677.379.794	153.478.569
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.191.029.794</b>	<b>1.693.728.569</b>

**05. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.038.705.022</b>	-	<b>3.337.499.784</b>	-
- Tạm ứng	1.035.805.022	-	1.050.589.472	-
- Phải thu khác	2.900.000	-	2.286.910.312	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.038.705.022</b>	-	<b>3.337.499.784</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	6.615.174.156	-	8.897.612.252	-
- Công cụ, dụng cụ	390.715.402	-	291.433.844	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.557.006.605	-	45.792.321.482	-
- Thành phẩm	15.030.281.679	-	6.262.306.390	-
- Hàng hoá	1.376.160.043	-	1.363.351.439	-
- Hàng gửi đi bán	3.987.702.506	-	4.078.630.734	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>76.957.040.391</b>	<b>-</b>	<b>66.685.656.141</b>	<b>-</b>

**07. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	<b>2.162.880.691</b>	<b>3.613.656.066</b>
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.162.880.691	3.613.656.066
+ Công trình 181 Lạc Long Quân	2.162.880.691	1.713.885.855
+ Công trình 343 Lạc Long Quân (45 LLQ)	-	1.899.770.211
<b>Cộng</b>	<b>2.162.880.691</b>	<b>3.613.656.066</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>13.355.914.367</b>	<b>37.259.955.608</b>	<b>3.068.807.898</b>	<b>349.239.818</b>	<b>1.946.721.652</b>	<b>55.980.639.343</b>
- Mua trong kỳ	-	527.000.000	-	-	-	527.000.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>13.355.914.367</b>	<b>37.786.955.608</b>	<b>3.068.807.898</b>	<b>349.239.818</b>	<b>1.946.721.652</b>	<b>56.507.639.343</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>10.404.170.999</b>	<b>23.765.228.662</b>	<b>1.792.200.877</b>	<b>341.684.330</b>	<b>1.491.214.380</b>	<b>37.794.499.248</b>
- Khấu hao trong kỳ	166.959.342	751.108.873	97.045.824	3.027.363	76.390.698	1.094.532.100
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.571.130.341</b>	<b>24.516.337.535</b>	<b>1.889.246.701</b>	<b>344.711.693</b>	<b>1.567.605.078</b>	<b>38.889.031.348</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>2.951.743.368</b>	<b>13.494.726.946</b>	<b>1.276.607.021</b>	<b>7.555.488</b>	<b>455.507.272</b>	<b>18.186.140.095</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>2.784.784.026</b>	<b>13.270.618.073</b>	<b>1.179.561.197</b>	<b>4.528.125</b>	<b>379.116.574</b>	<b>17.618.607.995</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 26.379.449.323 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 28.444.063.306 đồng và 11.042.535.624 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>56.789.209</i>	<i>23.466.992</i>	<i>80.256.201</i>
- Khấu hao trong kỳ	2.755.116	2.187.498	4.942.614
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>59.544.325</i>	<i>25.654.490</i>	<i>85.198.815</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>3.210.791</i>	<i>11.533.008</i>	<i>14.743.799</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>455.675</i>	<i>9.345.510</i>	<i>9.801.185</i>

**10. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>96.463.847</b>	<b>114.222.731</b>
- Phí bảo hiểm	42.749.895	55.882.333
- Các khoản khác	53.713.952	58.340.398
<b>b. Dài hạn</b>	<b>21.325.507.002</b>	<b>21.216.854.827</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	477.277.704	583.206.973
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	19.356.103.268	19.610.806.856
- Chi phí sửa chữa	639.925.805	680.627.717
- Chi phí khác	852.200.225	342.213.281
<b>Cộng</b>	<b>21.421.970.849</b>	<b>21.331.077.558</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**11. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>69.069.122.277</b>	<b>69.069.122.277</b>	<b>39.252.094.605</b>	<b>34.464.635.147</b>	<b>73.856.581.735</b>	<b>73.856.581.735</b>
- Vay ngân hàng	42.931.944.537	42.931.944.537	28.734.186.049	25.001.085.407	46.665.045.179	46.665.045.179
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tây Hồ <sup>(a)</sup>	6.214.814.930	6.214.814.930	7.442.865.320	4.234.736.130	9.422.944.120	9.422.944.120
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(b)</sup>	18.893.662.920	18.893.662.920	9.908.927.890	11.549.922.823	17.252.667.987	17.252.667.987
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(c)</sup>	17.823.466.687	17.823.466.687	11.382.392.839	9.216.426.454	19.989.433.072	19.989.433.072
- Vay đối tượng khác	24.311.521.840	24.311.521.840	9.605.080.603	8.550.721.787	25.365.880.656	25.365.880.656
+ Các cá nhân <sup>(d)</sup>	24.311.521.840	24.311.521.840	9.605.080.603	8.550.721.787	25.365.880.656	25.365.880.656
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.825.655.900	1.825.655.900	912.827.953	912.827.953	1.825.655.900	1.825.655.900
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(e)</sup>	1.193.655.900	1.193.655.900	596.827.953	596.827.953	1.193.655.900	1.193.655.900
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn <sup>(f)</sup>	392.000.000	392.000.000	196.000.000	196.000.000	392.000.000	392.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(g)</sup>	240.000.000	240.000.000	120.000.000	120.000.000	240.000.000	240.000.000
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>2.556.989.040</b>	<b>2.556.989.040</b>	-	<b>912.827.953</b>	<b>1.644.161.087</b>	<b>1.644.161.087</b>
<b>Từ 1 năm đến 5 năm</b>	<b>2.556.989.040</b>	<b>2.556.989.040</b>	-	<b>912.827.953</b>	<b>1.644.161.087</b>	<b>1.644.161.087</b>
- Vay ngân hàng	2.556.989.040	2.556.989.040	-	912.827.953	1.644.161.087	1.644.161.087
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(e)</sup>	1.417.989.040	1.417.989.040	-	596.827.953	821.161.087	821.161.087
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn <sup>(f)</sup>	686.000.000	686.000.000	-	196.000.000	490.000.000	490.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(g)</sup>	453.000.000	453.000.000	-	120.000.000	333.000.000	333.000.000
<b>Cộng</b>	<b>71.626.111.317</b>	<b>71.626.111.317</b>	<b>39.252.094.605</b>	<b>35.377.463.100</b>	<b>75.500.742.822</b>	<b>75.500.742.822</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ theo hợp đồng tín dụng số 28292.18.004.736671.TD ngày 18/9/2018 với hạn mức 10.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, lãi suất vay trong năm là 8,9%/năm.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/259662/HĐTDHM ngày 22/6/2018, với hạn mức là 20.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 02 xe ô tô, 03 xe nâng hàng, 100 téc inox, hợp đồng tiền gửi, 75 tank inox và thế chấp một số tài sản của ông Phạm Xuân Hà - Chủ tịch Hội đồng quản trị tại số 8a phố Đặng Tất, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, lãi suất vay trong năm là 10,9%/năm.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 283/2018/HDTD/TLG/01 ngày 10/5/2018 để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang, thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay là 9,9%/năm.
- (d) Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất là 9,5%/năm.

### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (e) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua Tank, máy móc, hệ thống đường ống Glycol và ô tô. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất trong năm từ 9,4%/năm – 10,1%/năm.
- (f) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn để thanh toán tiền mua máy chiết rót rượu vào chai. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất trong năm là 10,9%/năm.
- (g) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/259662/HĐTDTH ngày 06/02/2018 để thanh toán tiền lần 2, lần 3 tiền mua máy đóng nút co tự động 4 đầu của hãng Robino & Galandrino – Italia, với gốc vay là 693.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 10,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/259662/HĐBĐ ngày 06/02/2018.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**12. Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>2.779.874.947</b>	<b>2.779.874.947</b>	<b>3.514.788.397</b>	<b>3.514.788.397</b>
- Công ty TNHH thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải Phòng	2.685.964.050	2.685.964.050	1.366.041.600	1.366.041.600
- Chi nhánh KDTH - Cty CP XNK Lương thực thực phẩm Hà Nội	-	-	1.956.600.000	1.956.600.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	93.910.897	93.910.897	192.146.797	192.146.797
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.779.874.947</b>	<b>2.779.874.947</b>	<b>3.514.788.397</b>	<b>3.514.788.397</b>

**13. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>3.394.505.662</b>	<b>17.637.192.743</b>
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Á	-	16.500.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Sơn Trang	513.974.923	500.937.778
- Công ty Cổ phần SKYMOND	494.083.340	70.583.340
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	2.037.656.769	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	348.790.630	565.671.625
<b>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.394.505.662</b>	<b>17.637.192.743</b>

**c. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.037.656.769	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	2.037.656.769	-
<b>Cộng</b>	<b>2.037.656.769</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT đầu ra	-	-	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	4.877.482.816	292.043.907	5.068.569.748	-	100.956.975
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	574.248.124	4.587.812.478	5.164.799.311	2.738.709	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	37.055.545	162.837.269	81.949.667	-	117.943.147
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.430.179.556	1.430.179.556	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	58.695.302	-	-	58.695.302
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	106.643.003	-	-	106.643.003
<b>Cộng</b>	-	<b>5.488.786.485</b>	<b>6.638.211.515</b>	<b>11.745.498.282</b>	<b>2.738.709</b>	<b>384.238.427</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**15. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>108.153.454</b>	<b>204.041.929</b>
- Chi phí lãi vay	108.153.454	64.756.856
- Chi phí phải trả khác	-	139.285.073
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>108.153.454</b>	<b>204.041.929</b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.319.665.246</b>	<b>636.040.247</b>
- Kinh phí công đoàn	20.960.775	23.219.924
- Bảo hiểm xã hội	145.570.303	-
- Bảo hiểm y tế	36.691.609	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.827.131	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.103.615.428	612.820.323
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	57.034.439	65.907.914
+ <i>Các đối tượng khác</i>	1.046.580.989	546.912.409
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.319.665.246</b>	<b>636.040.247</b>

**17. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.214.209.493	30.689.964.954
Tăng vốn trong năm trước	13.500.000.000	-	-	13.500.000.000
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	3.727.808.571	3.727.808.571
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.640.000.000)	(2.640.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>40.500.000.000</b>	<b>1.475.755.461</b>	<b>3.302.018.064</b>	<b>45.277.773.525</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>40.500.000.000</b>	<b>1.475.755.461</b>	<b>3.302.018.064</b>	<b>45.277.773.525</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	10.852.983.592	10.852.983.592
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	-	-	(3.240.000.000)	(3.240.000.000)
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (*)	-	-	(2.063.035.045)	(2.063.035.045)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>40.500.000.000</b>	<b>1.475.755.461</b>	<b>8.851.966.611</b>	<b>50.827.722.072</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2018/CPVTL-ĐHCD ngày 05 tháng 6 năm 2018. Chi tiết phân phối lợi nhuận trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
<b>Phân phối lợi nhuận năm trước</b>	<b>3.240.000.000</b>
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	405.000.000
Chia cổ tức	2.835.000.000
<b>Tạm phân phối lợi nhuận năm nay</b>	<b>2.063.035.045</b>
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.063.035.045
<b>Tổng phân phối lợi nhuận</b>	<b>5.303.035.045</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	16.199.320.000	40	16.199.320.000	40
Vốn góp của các cổ đông khác	24.300.680.000	60	24.300.680.000	60
<b>Cộng</b>	<b>40.500.000.000</b>	<b>100</b>	<b>40.500.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	40.500.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	13.500.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	40.500.000.000	40.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.835.000.000	2.430.000.000

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.050.000	4.050.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.050.000	4.050.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.050.000	4.050.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.050.000	4.050.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.050.000	4.050.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e. Các quỹ của Công ty**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.475.755.461	1.475.755.461
<b>Cộng</b>	<b>1.475.755.461</b>	<b>1.475.755.461</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý		
+ Công ty TNHH Hoàng Anh I	16.500.000	16.500.000
+ Văn phòng Tư vấn chuyển giao CNXD	44.380.000	44.380.000
+ Công ty TNHH SX TM dịch vụ Long Phan	24.750.000	24.750.000
+ Công ty CP định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam	35.000.000	35.000.000
+ Công ty Cổ phần Sáng tạo	4.000.000	4.000.000
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển thương hiệu Hoa Lan	20.900.000	20.900.000
+ Khúc văn Đồng - Cửa hàng 26 Nguyễn Công Trứ	184.228.733	-
+ XNSX hàng nhựa	2.288.962.808	-
+ Công ty CP Bao Bì Nhựa Thăng Long	85.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.703.721.541</b>	<b>145.530.000</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Doanh thu bán hàng hóa	18.583.112.970	25.553.937.680
- Doanh thu bán thành phẩm	864.690.009	728.978.788
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	693.096.986	305.878.463
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.906.816.457	2.686.568.823
- Doanh thu chuyển nhượng dự án	25.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>47.047.716.422</b>	<b>29.275.363.754</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Chiết khấu thương mại	3.183.964	8.822.726
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	19.480.530	239.181.909
<b>Cộng</b>	<b>22.664.494</b>	<b>248.004.635</b>

**03. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	19.077.071.673	25.644.978.615
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	789.017.131	429.549.821
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	190.507.294	326.575.057
- Chi phí chuyển nhượng dự án	2.060.937.610	-
<b>Cộng</b>	<b>22.117.533.708</b>	<b>26.401.103.493</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018</b>	<b>Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	305.056.525	268.474.020
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	107.637.388	483.793.878
<b>Cộng</b>	<b>412.693.913</b>	<b>752.267.898</b>

**05. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018</b>	<b>Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017</b>
- Lãi tiền vay	3.631.334.603	3.319.030.274
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	7.635.995
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	1.289.111.012	270.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.920.445.615</b>	<b>3.596.666.269</b>

**06. Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018</b>	<b>Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017</b>
- Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	385.684.989
- Các khoản khác	74.524	517.925.718
<b>Cộng</b>	<b>74.524</b>	<b>903.610.707</b>

**07. Chi phí khác**

	<b>Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018</b>	<b>Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017</b>
- Các khoản bị phạt	236.290.997	77.006.012
- Các khoản khác	618.500	1.808.866
<b>Cộng</b>	<b>236.909.497</b>	<b>78.814.878</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>3.514.218.794</b>	<b>2.355.905.734</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	662.436.313	958.694.177
- Chi phí đồ dùng văn phòng	79.577.518	95.420.247
- Chi phí khấu hao TSCĐ	21.614.269	45.576.066
- Thuế, phí và lệ phí	10.900.000	-
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.558.191.541	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.177.496	846.299.705
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	51.321.657	409.915.539
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>1.207.916.681</b>	<b>868.251.684</b>
- Chi phí nhân viên	293.684.988	256.892.725
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.000.000	-
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	20.021.899	948.326
- Chi phí khấu hao TSCĐ	61.908.396	61.908.396
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	560.023.834	389.584.918
- Các khoản chi phí bán hàng khác	271.277.564	158.917.319
<b>Cộng</b>	<b>4.722.135.475</b>	<b>3.224.157.418</b>

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018	Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	4.587.812.478	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.587.812.478</b>	<b>-</b>

(\*) Chi tiết tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018		
	Hoạt động chính	Chuyển nhượng BDS	Tổng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.498.266.320)	22.939.062.390	15.440.796.070
Các khoản điều chỉnh tăng	890.560.322	-	890.560.322
Các khoản phạt chậm nộp thuế	236.280.161	-	236.280.161
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	108.000.000	-	108.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	310.000.000	-	310.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	107.637.388	-	107.637.388
Cổ tức, lợi nhuận được chia	107.637.388	-	107.637.388
Thu nhập tính thuế TNDN	(6.715.343.386)	22.939.062.390	16.223.719.004
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>4.587.812.478</b>	<b>4.587.812.478</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018</b>	<b>Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.007.813.360	4.664.902.562
- Chi phí nhân công	3.453.599.762	3.128.485.380
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.099.474.714	1.092.933.876
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	936.555.684	3.318.590.099
- Chi phí khác bằng tiền	4.239.622.861	2.692.885.380
- Chi phí dự phòng	2.558.191.541	-
<b>Cộng</b>	<b>20.295.257.922</b>	<b>14.897.797.297</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

**02. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018</b>	<b>Từ 01/4/2017 đến 30/9/2017</b>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	141.744.661	164.897.086
<b>Cộng</b>	<b>141.744.661</b>	<b>164.897.086</b>

Đơn vị tính: VND

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	Công ty liên kết

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày theo thuyết minh số V.03 và V.13.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

---

### **03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

#### ***Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận chuyển, dịch vụ nhân công;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Kinh doanh bất động sản và Chuyển nhượng dự án	Cộng
<b>Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	845.209.479	18.579.929.006	693.096.986	26.906.816.457	47.025.051.928
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	954.911.432	22.723.865.062	136.038.276	7.532.606.115	31.347.420.885
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(109.701.953)	(4.143.936.056)	557.058.710	19.374.210.342	15.677.631.043
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	527.000.000	-	-	-	527.000.000
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	770.437.828	424.901.303	15.850.320	485.535.100	1.696.724.551
<b>Số dư cuối kỳ</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	39.375.001.662	34.909.432.122	1.302.245.137	50.554.643.262	126.141.322.183
- Tài sản không phân bổ					9.059.631.188
<b>Tổng tài sản</b>	<b>39.375.001.662</b>	<b>34.909.432.122</b>	<b>1.302.245.137</b>	<b>50.554.643.262</b>	<b>135.200.953.371</b>
- Nợ phải trả bộ phận	1.509.335.955	33.179.176.997	1.237.700.508	48.048.947.086	83.975.160.546
- Nợ phải trả không phân bổ					398.070.753
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.509.335.955</b>	<b>33.179.176.997</b>	<b>1.237.700.508</b>	<b>48.048.947.086</b>	<b>84.373.231.299</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Cộng</u>
<b>Từ ngày 01/4/2017 đến ngày 30/9/2017</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	480.974.153	25.553.937.680	305.878.463	2.686.568.823	29.027.359.119
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	530.103.870	30.987.369.420	63.947.964	888.238.029	32.469.659.282
<b>- Lợi nhuận từ hoạt động KD</b>	<b>(49.129.717)</b>	<b>(5.433.431.740)</b>	<b>241.930.499</b>	<b>1.798.330.794</b>	<b>(3.442.300.163)</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.149.054.914	334.465.215	4.003.520	35.163.419	1.522.687.069
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	27.216.420	1.445.996.000	17.308.449	152.022.276	1.642.543.146
<b>Số dư tại ngày 30/9/2017</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	71.349.195.772	46.310.138.049	439.540.964	3.860.543.300	121.959.418.085
- Tài sản không phân bổ					11.149.042.146
<b>Tổng tài sản</b>	<b>71.349.195.772</b>	<b>46.310.138.049</b>	<b>439.540.964</b>	<b>3.860.543.300</b>	<b>133.108.460.231</b>
- Nợ phải trả bộ phận	1.560.440.479	82.905.491.892	992.371.694	8.716.124.793	94.174.428.858
- Nợ phải trả không phân bổ					1.570.753
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.560.440.479</b>	<b>82.905.491.892</b>	<b>992.371.694</b>	<b>8.716.124.793</b>	<b>94.175.999.611</b>

**Khu vực địa lý kinh doanh:**

Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.





**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**05. Tài sản đảm bảo****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.09 và V.12). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Đơn vị tính: VND

<b>Tài sản thế chấp</b>	<b>Nguyên giá</b>	<b>Giá trị còn lại</b>	<b>Điều kiện thế chấp</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
<b>Tài sản thế chấp tại ngân hàng</b>			
<b>TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng</b>			
Máy móc thiết bị	14.610.373.477	1.544.731.726	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.830.012.678	487.550.749	
<b>Tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn</b>			
Máy móc thiết bị	2.800.000.000	2.272.114.680	Giải chấp khi các khoản vay được trả
<b>Tài sản thế chấp tại ngân hàng</b>			
<b>TMCP Tiên Phong</b>			
Máy móc thiết bị	8.375.391.818	6.354.815.871	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	828.285.333	383.322.598	
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.444.063.306</b>	<b>11.042.535.624</b>	
<b>Số đầu năm</b>			
<b>Tài sản thế chấp tại ngân hàng</b>			
<b>TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng</b>			
Máy móc thiết bị	14.010.373.477	1.067.887.539	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.830.012.678	535.323.013	
<b>Tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn</b>			
Máy móc thiết bị	2.800.000.000	2.365.448.016	Giải chấp khi các khoản vay được trả
<b>Tài sản thế chấp tại ngân hàng</b>			
<b>TMCP Tiên Phong</b>			
Máy móc thiết bị	8.375.391.818	6.744.418.791	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	828.285.333	414.900.676	
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.844.063.306</b>	<b>11.127.978.035</b>	

**06. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**07. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	2.779.874.947	-	-	2.779.874.947
Vay và nợ	73.856.581.735	1.644.161.087	-	75.500.742.822
Chi phí phải trả	108.153.454	-	-	108.153.454
Các khoản phải trả khác	1.103.615.428	-	-	1.103.615.428
<b>Cộng</b>	<b>77.848.225.564</b>	<b>1.644.161.087</b>	-	<b>79.492.386.651</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	3.514.788.397	-	-	3.514.788.397
Vay và nợ	69.069.122.277	2.556.989.040	-	71.626.111.317
Chi phí phải trả	204.041.929	-	-	204.041.929
Các khoản phải trả khác	612.820.323	-	-	612.820.323
<b>Cộng</b>	<b>73.400.772.926</b>	<b>2.556.989.040</b>	-	<b>75.957.761.966</b>

**08. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**09. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 4 năm 2017 đến ngày 30 tháng 9 năm 2017 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**10. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Giám đốc



Phạm Xuân Hà

